

Bản án số: **71/2020/DS - PT**

Ngày: 09/3/2020

V/v. *Tranh chấp chia thừa kế*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Toàn Giang
- Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Anh
Bà Nguyễn Thu Hồng
- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thùy Dương – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 09/3/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLPT- DS ngày 08/01/2020 về : “ *Tranh chấp chia thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/DSPT-QĐ ngày 18/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số ngày 28/02/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Văn T, sinh năm 1950 (có mặt)

ĐKNKTT và nơi ở: Thôn Độc, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Ủy quyền cho bà Ngô Ngọc Hân, sinh năm 1986 (có mặt)

Trú tại: Tổ 1, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Lưu Văn Kh, sinh năm 1962 (có mặt)

HKTT và nơi ở: Thôn D, xã B, huyện T, TP Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lưu Thị Liên, sinh năm 1956. (có mặt)

2/ Ông Lưu Văn Vân, sinh năm 1960 (có mặt)

3/ Ông Lưu Văn Hà, sinh năm 1965 (có mặt)

4/ Bà Dương Thị Hà, sinh năm 1969 – là vợ ông Khoa (có mặt)

5/ Anh Lưu Xuân Phú, sinh năm 1989 (vắng mặt)

6/ Anh Lưu Văn Hiếu, sinh năm 1993 (vắng mặt)

7/ Chị Vũ Thị Thanh Loan, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Độc, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/ 11/ 2017, lời khai tại tòa, nguyên đơn ông Lưu Văn T, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là bà Ngô Ngọc Hân trình bày:

Cụ Lưu Văn Thạnh, sinh năm 1930 (mất ngày 25/6/1993) và cụ Nguyễn Thị Bồng, sinh năm 1926 (mất ngày 06/2/2008). Cụ Thạnh và cụ Bồng sinh được 04 người con: Lưu Thị Liên, Lưu Văn Vân, Lưu Văn Kh và Lưu Văn Hà. Ngoài ra cụ Thạnh và cụ Bồng có nhận ông Lưu Văn T làm con nuôi từ khi ông Thành còn rất nhỏ chỉ 01 đến 02 tuổi.

Về nguồn gốc thửa đất ông Thành yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật tại địa chỉ thôn Dộc, xã Bình Minh là do cụ Thạnh, cụ Bồng mua của ông Lưu Bá Quế năm 1988. Sau khi mua xong thì các cụ sử dụng, lúc đó ông Lưu Văn Hà còn ở chung với các cụ, còn lại hai cụ đã phân chia cho mỗi người một phần và các con của cụ đã làm nhà ở riêng từng người. Phần đất nền các cụ đã chia cho ông Thành nhưng vì ông Khoa nhờ ông Thành để làm chỗ chăn vịt, gà nhưng sau đó ông Khoa chiếm giữ luôn phần đất các cụ đã cho ông Thành. Vì khi đó các cụ cho bằng miệng, anh em trong nhà đều biết nhưng vì ông Khoa không trả lại nên ông Thành đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật phần diện tích khoảng 170m² đất này. Khi ông Khoa mượn phần đất này để nuôi vịt thì trước đó cụ Thạnh, cụ Bồng đã trồng cây xoan, và tre hiện còn búi tre, ngoài ra khi đó có chuồng vịt cũ của bố ông và ông Lưu Văn Hà vẫn nuôi vịt. Khi ông Khoa nhờ đất chăn vịt thì ông Khoa có làm lại chuồng vịt mới, hiện nay vẫn đang sử dụng.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần tài sản do cụ Thạnh, cụ Bồng để lại là phần đất mua lại của cụ Lưu Bá Quế cho các đồng thừa kế. Đề nghị xem xét miễn giảm án phí cho ông Lưu Văn T do tuổi cao, sức yếu, không còn khả năng lao động.

Bị đơn Ông Lưu Văn Kh trình bày: Vào những năm 1990 thì cụ Thạnh, cụ Bồng đã phân chia và giao cho các con mỗi người quản lý phần đất riêng của mỗi con. Sau khi thống nhất giao thì duyên ai phận nấy không ai liên quan đến ai. Còn cái ao thì các cụ chưa giao cho ai và để chăn nuôi lợn, gà. Đến năm 2006 do thấy bẩn nên ông có nói với cụ Bồng cho ông lấp ao (bằng cát) cho đỡ bẩn, lúc đó mẹ ông đồng ý. Khi các cụ giao đất thì chỉ nói bằng miệng, có hợp gia đình nhưng không lập văn bản gì và không có giấy tờ gì (Khi đó là tối ngày 28/11/1990 Âm lịch, bố mẹ ông đã chia đất cho các con). Riêng phần đất mà ông Thành yêu cầu chia thừa kế thì bố mẹ ông đã chia cho ông; lúc chia có vợ chồng ông Vân, ông Hà và ông cùng bố mẹ ông; Hai cụ chia bằng miệng và không có văn bản gì. Phần đất của anh em trong nhà đã chia cho ông Thành được ở ngoài phố. Phần ông Vân thì ở tại nhà cũ, phần ở ngoài đồng thì tôi đang ở; trước đó ông Hà ở sau đó ông và ông Hà đổi cho nhau (vì ông Hà xin đổi). Khi đó đổi cho ông Hà ra phố, bố ông bảo ở phố thì nó chật chỉ có thể thôi mai đừng có kêu chật với rộng thì mọi người đều đồng ý. Nay ông Thành yêu cầu chia tài sản này (phần đất mua của ông Quế) ông hoàn toàn không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Hà trình bày: Về nguồn gốc thửa đất, quá trình sử dụng đất đúng như ông Thành đã trình bày. Nếu ông Khoa không trả lại phần đất trên 170m² mà bố mẹ các ông, bà đã giao bằng miệng cho ông Thành thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Hà, anh Lưu Văn Phú trình bày: Chúng tôi không đồng ý với ý kiến của ông Thành và các bà Liên, ông Vân, ông Hà vì trước đó vợ chồng tôi đã phải ở khu ngoài ao, có mồ mã gần đó nên phải mất nhiều công lao tạo dựng. Việc ông Thành và các

ông Vân, ông Hà , bà Liên, ông Thành nói và đòi phân chia là không đúng và tôi không đồng ý chia.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lưu Văn Hiếu, chị Vũ Thị Thanh Loan (là con đẻ, con dâu ông Lưu Văn Kh) nhất trí như ý kiến của ông Khoa trình bày và vắng mặt không đến Tòa án.

Bản án sơ thẩm đã tuyên xử:

1/ Xác định thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế:

Ngày 25/6/1993, cụ Thạnh chết, Ngày 06/2/2008 cụ Bồng chết cả 02 cụ không để lại di chúc bằng văn bản.Theo quy định tại khoản 1 điều 611 Bộ luật Dân sự, thời điểm mở thừa kế của cụ Thạnh là ngày 25/6/1993; thời điểm mở thừa kế của cụ Bồng là ngày 06/2/2008;

Ông Thành nộp đơn khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với phần di sản chưa chia của cụ Thạnh, cụ Bồng.

2/ Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thạnh,cụ Bồng là 05 người (05 kỹ phần). Gồm: Ông Lưu Văn T,sinh năm 1950, bà Lưu Thị Liên,sinh năm 1956. ông Lưu Văn Vân,sinh năm 1960. ông Lưu Văn Kh,sinh năm 1962. Ông Lưu Văn Hà,sinh năm 1965.

Do các ông bà Liên, Hà, Vân đều tự nguyện giao kỹ phần của họ cho ông Thành quản lý. Hội đồng xét xử nhập kỹ phần của các ông bà giao cho ông Thành được quản lý, sử dụng, nên ông Thành được nhận bằng 04 kỹ phần, trị giá thành tiền 360.000.000 đồng; Quy đổi hiện vật là 120 m²đất.

Ông Khoa được hưởng kỹ phần của ông trị giá thành tiền là 132.000.000 đồng, quy đổi hiện vật là 44 m² đất. (Trong đó ông Khoa còn được hưởng thanh toán tiền công đồ đất, công duy trì phần di sản của cụ Thạnh,cụ Bồng là 14m² đất)

Giao hiện vật: Căn cứ vào lời khai của các đương sự,biên bản xác minh trong quá trình UBND xã giải quyết,bản đồ thừa đất năm 1985 + sổ mục kê trước đó thừa đất mang tên cụ Lưu Bá Quế(Đã bán lại cho cụ Thạnh) và bản đồ đo đạc tổng thể thừa đất hiện trạng do UBND xã Bình Minh cung cấp phần đất di sản của cụ Thạnh,cụ Bồng để lại, xét tính phù hợp của hiện vật:

Hội đồng xét xử giao cho ông Thành được hưởng bằng hiện vật là 120m² đất. Tổng giá trị thành tiền của 120m² đất là 360.000.000 đồng.

Trên diện tích đất giao cho ông Thành có các tài sản do ông Khoa duy trì và phát triển trên đất gồm: 01 nhà tạm giáp ngõ đi của thôn xây tường 10,cao khoảng 02m,đòn tay tre,gỗ,lợp Prô măng có diện tích khoảng 6 m X 3 m =18 m²(Nhà làm đã lâu).Giá trị sử dụng còn lại 18m² X 100.000 đồng = 1800.000 đồng và 01 bụi tre khoảng 40 cây đã thu hoạch được giá trị là: 25.000 đồng X 40 cây=1000.000 đồng; 01 cây sung cao 8m đường kính 40cm giá trị 300.000 đồng,01 cây mít chưa có quả cao 3m đường kính 15 cm trị giá 400.000 đồng; 01 cây bưởi có quả cao 2m, đường kính 10 cm trị giá 140.000 đồng; 01 cây roi có quả cao 4m,đường kính 15 cm, trị giá 200.000 đồng.

Tổng trị giá là 19.40.000 đồng; Tổng số tài sản trên đất này là 3.740.000 đồng.

Số tài sản này một phần là do ông Khoa duy trì, phát triển hợp pháp, nay nằm trên phần đất giao cho ông Thành. Để đảm bảo giá trị của các tài sản này cần giao cho ông Thành thừa hưởng và quản lý, sử dụng.

(**Lưu ý:** Trường hợp các tài sản trên đất nêu trên nếu sau khi giao đất mà có cây trồng nào thuộc phần đất giao cho ai thì người đó được quyền sử dụng, định đoạt)

Như vậy: Phần đất và phần tài sản trên đất giao cho ông Thành là thửa số **48A** có diện tích 120m², có các chiều tiếp giáp và được giới hạn bởi các điểm **2,3,4,5,2** trong sơ đồ kèm theo bản án.

Hội đồng xét xử giao cho ông Khoa được hưởng bằng hiện vật là 44m² đất. Tổng giá trị thành tiền của 44m² đất là 132.000.000 đồng.

Phần đất giao cho ông Khoa là thửa số **48B** có diện tích 44 m² có các chiều tiếp giáp và được giới hạn bởi các điểm: **1,2,5,6,1** trong sơ đồ kèm theo bản án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn ông Lưu Văn Kh kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là ông Lưu Văn T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn là ông Lưu Văn Kh giữ nguyên kháng cáo. Ông Khoa và vợ là bà Dương Thị Hà đề nghị sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Hà giữ nguyên ý kiến đã trình bày và cùng đồng ý với bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSND thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tiến hành tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng giao ông Thành sử dụng tài sản trên đất và thanh toán cho ông Khoa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Người kháng cáo nộp đơn và tạm ứng án phí kháng cáo trong thời hạn luật định, thực hiện quyền kháng cáo hợp lệ. Nên được chấp nhận. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Lưu Văn Kh:**

[2.1] **Về quan hệ huyết thống, thời điểm mở thừa kế, thời hiệu khởi kiện chia thừa kế và người thừa kế:**

Cụ Lưu Văn Thạnh, sinh năm 1930 (mất ngày 25/6/1993) và cụ Nguyễn Thị Bông, sinh năm 1926 (mất ngày 06/2/2008). Cụ Thạnh và cụ Bông không để lại di chúc bằng văn bản.

Thời điểm mở thừa kế của cụ Thạnh là ngày 25/6/1993 và thời điểm mở thừa kế của cụ Bông là ngày 06/2/2008. Nguyên đơn ông Lưu Văn T nộp đơn khởi kiện “Yêu cầu chia di sản thừa kế” tại Tòa án ngày 27/11/2017 là trong thời hiệu khởi kiện chia thừa kế.

Các đương sự cùng thừa nhận cụ Thạnh và cụ Bông có 04 người con đẻ gồm: bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Kh, ông Lưu Văn Hà và 01 con nuôi là ông Lưu Văn T. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thạnh, cụ Bông gồm 05 người: bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Kh, ông Lưu Văn Hà và ông Lưu Văn T.

Theo quy định của khoản 1 điều 611, Điều 649, điểm a khoản 1 điều 651 Bộ luật dân sự 2015

[2.2] Về nguồn gốc di sản thừa kế:

Lúc còn sống, cụ Lưu Văn Thạnh và cụ Nguyễn Thị Bông có nhiều tài sản là nhà đất nhưng đã chia cho các con quản lý, sử dụng ổn định và các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

Đối với phần diện tích khoảng 170m² (đo đạc thực tế là 164 m²) nằm một phần trong thửa đất số 48, tờ bản đồ số 2, diện tích 865 m² tại địa chỉ: thôn Dộc, xã Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội có nguồn gốc là của cụ Thạnh và cụ Bông mua lại của cụ Lưu Bá Quế năm 1988.

Bị đơn là ông Lưu Văn Kh thừa nhận phần diện tích cụ Thạnh, cụ Bông chưa chia là cái ao cùng nằm trong thửa đất 48, nhưng cho rằng cụ Thạnh, cụ Bông đã cho ông thửa đất này. Hiện ông Lưu Văn Kh, vợ là bà Dương Thị Hà, các con là anh Lưu Xuân Phú, anh Lưu Văn Hiếu, chị Vũ Thị Phương Loan đang quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất và các tài sản trên đất. Ông Lưu Văn Kh không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh đã được cụ Thạnh, cụ Bông cho ông thửa đất 48.

Nguyên đơn ông Lưu Văn T và các đương sự cùng xác nhận diện tích 164 m² (đo đạc thực tế) nằm một phần trong thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02 là của cụ Thạnh và cụ Bông mua lại của cụ Lưu Bá Quế năm 1988. Lúc còn sống, cụ Thạnh và cụ Bông chưa chia cho người con nào mà cắt một phần diện tích đất mua lại của cụ Lưu Bá Quế để làm ngõ đi của gia đình ông Khoa hiện tại và có lều nuôi vịt (trước đó ông Lưu Văn T, ông Lưu Văn Hà sử dụng). Sau đó, ông Khoa nhờ ông Thành để làm chõ chặn vịt, gà nhưng lại chiếm giữ luôn không trả lại.

Kết quả xác minh các tài liệu tờ bản đồ, sổ mục kê, sổ dã ngoại của Ủy ban nhân dân xã Bình Minh về quản lý theo dõi nguồn gốc, biến động qua các thời kỳ đối với phần diện tích 164m² đo đạc thực tế nằm trong Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02 tại thôn Dộc, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, trước đây mang tên cụ Lưu Bá Quế (Chi) đã bán lại cho cụ Thạnh. Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Phù hợp với bản đồ đo đạc tổng thể thửa đất hiện trạng do ông Khoa đang sử dụng cùng với tài sản có trên thửa đất đang tranh chấp và phù hợp với kết quả xem xét thẩm định, định giá hiện trạng tài sản tranh chấp trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể :

- Phần diện tích của cụ Thạnh và cụ Bông mua lại của cụ Lưu Bá Quế năm 1988 hiện nằm trong thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02 tại thửa số 48, tờ bản đồ số 2, thôn Dộc, xã Bình Minh, Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, đo đạc thực tế có diện tích đất ở là 164 m² X 3000.000 đồng/1m²= 360 .000.000 đồng.

- Tài sản trên đất có tổng trị giá là: 3.840.000 đồng. Gồm có: 01 nhà tạm giáp ngõ đi của thôn xây tường 10, cao khoảng 02m, đôn tay tre, gỗ, lợp Prô măng có diện tích khoảng 6 m x 3 m = 18 m² (nhà làm đã lâu). Giá trị sử dụng còn lại 18m² x 100.000 đồng = 1.800.000 đồng. Cây trồng trên đất trị giá là 1.940.000 đồng: 01 bụi tre khoảng 40 cây đã thu hoạch được giá trị là: 25.000 đồng x 40 cây = 1000.000 đồng; 01 cây sung cao 8m đường kính 40cm giá trị 300.000 đồng, 01 cây mít chưa có quả cao 3m đường kính 15 cm trị giá 400.000 đồng; 01 cây bưởi có quả cao 2m, đường kính 10cm trị giá 140.000 đồng; 01 cây roi có quả cao 4m, đường kính 15 cm, trị giá 200.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định diện tích 164m² (đo đạc thực tế) nằm trong một phần Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02 có diện tích 164m² tại thôn Dộc, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội và các tài sản trên đất là di sản thừa kế của cụ Thạnh và cụ Bồng để lại. Từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn ông Lưu Văn T là có căn cứ.

[2.3] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Văn T:

Cụ Thạnh và cụ Bồng đã mất, không để lại di chúc nhưng để lại di sản thừa kế là diện tích 164 m² đất (đo đạc thực tế) nằm một phần trong thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02, tại Thôn Dộc, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, T.P Hà Nội. Phần diện tích này, lúc còn sống cụ Thạnh, cụ Bồng chưa chia cho người con nào và hiện ông Lưu Văn Kh, bà Dương Thị Hà và gia đình đang quản lý, sử dụng nên chia di sản thừa kế của cụ Thạnh, cụ Bồng theo quy định của Điều 650 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật: Giá trị di sản thừa kế của cụ Thạnh, cụ Bồng để lại tính thành tiền là **495.840.000 đồng**. Gồm: Diện tích đất ở là 164 m² x 3.000.000 đồng/1m² = 492.000.000 đồng. Tài sản trên đất có tổng giá trị là: 3.840.000 đồng. Cụ thể: các công trình xây dựng có giá trị thành tiền là 1.800.000 đồng; cây trồng có giá trị thành tiền là 2.040.000 đồng, do cụ Thạnh, cụ Bồng để lại trong đó có một phần do vợ chồng ông Khoa cải tạo để sử dụng.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thạnh, cụ Bồng gồm 05 người: bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Kh, ông Lưu Văn Hà và ông Lưu Văn T. Mỗi kỹ phần có giá trị 495.840.000 đồng : 5 = 99.168.000 đồng

Ghi nhận bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Hà tự nguyện của giao kỹ phần của mình được hưởng cho ông Lưu Văn T. Tổng giá trị ông Thành được hưởng là 99.168.000 đồng x 4 = 396.672.000 đồng.

Xét thấy, cần trích công sức duy trì, quản lý, tôn tạo phần di sản thừa kế cho gia đình ông Lưu Văn Kh bằng 14 m² đất trong diện tích 164 m² đất và **Chia bằng hiện vật, cụ thể:**

- Chia diện tích đất 150m² đất cho 05 người: bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Kh, ông Lưu Văn Hà và ông Lưu Văn T, kỹ phần mỗi người được hưởng 30m², có giá trị thành tiền là 90.000.000 đồng.

- Chia cho ông Lưu Văn T quản lý, sử dụng là 120 m² đất trị giá thành tiền 360.000.000 đồng (gồm 30 m² đất được hưởng theo kỹ phần và 90 m² đất là kỹ phần của bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Hà tự nguyện giao lại cho ông Thành) và được sở hữu, sử dụng các tài sản trên đất gồm các công trình xây dựng và cây trồng có giá trị là: 3.840.000 đồng. Tổng giá trị là 363.840.000 đồng (có sơ đồ kèm theo bản án) .

- Chia cho ông Lưu Văn Kh quản lý, sử dụng 44 m² đất trị giá thành tiền là 132.000.000 đồng, bao gồm 30 m² đất theo kỹ phân và 14 m² đất trích công sức duy trì, quản lý, tôn tạo phần di sản thừa kế (có sơ đồ kèm theo bản án) .

Bản án sơ thẩm xác định trên diện tích đất giao cho ông Thành có các tài sản do ông Khoa duy trì và phát triển gồm các công trình xây dựng và cây trồng trên đất có tổng giá trị tính thành tiền là 3.840.000 đồng. Để đảm bảo giá trị của các tài sản này cần giao cho ông Thành quản lý, sử dụng.

Nhưng bản án sơ thẩm không quyết định việc ông Thành có trách nhiệm thanh toán giá trị các tài sản trên đất cho ông Khoa là không phù hợp. Vì vậy cần sửa một phần bản án sơ thẩm và ông Thành có trách nhiệm thanh toán cho ông Khoa 3.840.000 đồng tiền giá trị các công trình xây dựng và cây trồng trên đất. Ông Lưu Văn Kh còn được nhận 3.840.000 đồng nêu trên do ông Thành thanh toán.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền chủ động đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

[2.4] Tại cấp phúc thẩm, ông Lưu Văn Kh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh. Kháng cáo của ông Khoa không có cơ sở nên không chấp nhận.

[2.5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Lưu Văn T đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Điều 2 Luật Người cao tuổi và Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả ông Thành tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Lưu Văn Kh phải chịu 6.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được hưởng (132.000.000 đồng x 5 % = 6.600.000 đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Lưu Văn Kh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Khoa tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 658, 660, 685, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, điều 167, 170 Luật đất đai năm 2013, Điều 2 Luật Người Cao Tuổi; Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Các điều 33, 40 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 12 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/06/2012 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Văn Kh. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai và quyết định cụ thể như sau:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lưu Văn T.

[2] Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Lưu Văn Thạnh là ngày 25/6/1993. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Bồng là ngày 06/02/2008.

Ngày 27/11/2017 ông Lưu Văn T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản chưa chia của cụ Thạnh, cụ Bồng là trong thời hiệu khởi kiện về thừa kế.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thạnh, cụ Bồng gồm có 05 người là: Bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Kh, ông Lưu Văn Hà, ông Lưu Văn T.

[3] Xác định cụ Thạnh và cụ Bồng đã mất, không để lại di chúc.

Chia di sản thừa kế của cụ Thạnh và cụ Bồng theo quy định của pháp luật gồm diện tích 164 m² đất (đo đạc thực tế) nằm một phần trong thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02, tại Thôn D, xã B, huyện T, TP Hà Nội. Giá trị di sản thừa kế của cụ Thạnh, cụ Bồng để lại tính thành tiền là **495.840.000 đồng**. Gồm: Diện tích đất ở là 164 m² x 3.000.000 đồng/1m² = 492.000.000 đồng. Tài sản trên đất có tổng giá trị là: 3.840.000 đồng. Cụ thể: các công trình xây dựng có giá trị thành tiền là 1.800.000 đồng; cây trồng có giá trị thành tiền là 2.040.000 đồng.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thạnh, cụ Bồng gồm 05 người: bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Kh, ông Lưu Văn Hà và ông Lưu Văn T. Mỗi kỹ phần có giá trị 495.840.000 đồng : 5 = 99.168.000 đồng

Ghi nhận bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Hà tự nguyện của giao kỹ phần của mình được hưởng cho ông Lưu Văn T. Tổng giá trị ông Thành được hưởng là 99.168.000 đồng x 4 = 396.672.000 đồng.

Chia bằng hiện vật diện tích 164 m² đất (đo đạc thực tế) nằm một phần trong thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02, tại Thôn Dộc, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, T.P Hà Nội. Cụ thể:

- Trích công sức duy trì, quản lý, tôn tạo phần di sản thừa kế cho gia đình ông Lưu Văn Kh bằng 14 m² đất trong diện tích 164 m² đất.

- Chia diện tích đất 150m² đất cho 05 người: bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Kh, ông Lưu Văn Hà và ông Lưu Văn T, kỹ phần mỗi người được hưởng 30m², có giá trị thành tiền là 90.000.000 đồng.

- Giao cho ông Lưu Văn T quản lý, sử dụng 120 m² trị giá thành tiền 360.000.000 đồng (gồm 30 m² đất được hưởng theo kỹ phần và 90 m² đất là kỹ phần của bà Lưu Thị Liên, ông Lưu Văn Vân, ông Lưu Văn Hà tự nguyện giao lại cho ông Thành) và được sở hữu, sử dụng các tài sản trên đất gồm 01 nhà tạm giáp ngõ đi của thôn xây tường 10, cao khoảng 02m, đòn tay tre, gỗ, lợp Prôximăng có diện tích khoảng 6 m x 3 m =18 m² (nhà làm đã lâu). Giá trị sử dụng còn lại 18m² x 100.000 đồng = 1.800.000 đồng và 01 bụi tre khoảng 40 cây đã thu hoạch được giá trị là: 25.000 đồng x 40 cây =1.000.000 đồng; 01 cây sung cao 8m đường kính 40cm giá trị 300.000 đồng, 01 cây mít chưa có quả cao 3m đường kính 15 cm trị giá 400.000 đồng; 01 cây bưởi có quả cao 2m, đường kính 10 cm trị giá 140.000 đồng; 01 cây roi có quả cao 4m, đường kính 15 cm, trị giá 200.000 đồng. Các công trình xây dựng và cây trồng trên đất có tổng giá trị tính thành tiền là 3.840.000 đồng. Tổng giá trị là 363.840.000 đồng (thửa số **48A** có diện tích 120m², có các chiều tiếp giáp và được giới hạn bởi các điểm **2,3,4,5,2** trong sơ đồ kèm theo bản án).

- Giao cho ông Lưu Văn Kh quản lý, sử dụng 44 m² đất trị giá thành tiền là 132.000.000 đồng, bao gồm 30 m² đất theo kỹ phần và 14 m² đất trích công

sức duy trì, quản lý, tôn tạo phần di sản thừa kế (thửa số **48B** có diện tích 44 m², có các chiều tiếp giáp và được giới hạn bởi các điểm: **1,2,5,6,1** trong sơ đồ kèm theo bản án).

- Ông Lưu Văn T Thành có trách nhiệm thanh toán trả ông Lưu Văn Kh 3.840.000 đồng tiền giá trị các công trình xây dựng và cây trồng trên đất.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lưu Văn T đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả lại ông Thành 8.000.000 (Tám triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AD/2010/0002237 ngày 04/4/2018.

Bị đơn ông Lưu Văn Kh phải nộp 6.600.000 (Sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lưu Văn Kh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại ông Khoa 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2012/01902 ngày 02/12/2019.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, phúc thẩm có hiệu lực thi hành án kể từ ngày tòa tuyên án./.

Nơi nhân:

- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai
- Chi cục THADS huyện Thanh Oai
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Toàn Giang

TRAO ĐỔI ÁN DSPT

Thẩm phán: **Vũ Toàn Giang**

Vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLPT- DS ngày 08/01/2020

về việc: “ *Tranh chấp chia thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai bị kháng cáo;

Nguyên đơn: Ông Lưu Văn T, sinh năm 1950;

Bị đơn: Ông Lưu Văn Kh, sinh năm 1962.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lưu Thị Liên, sinh năm 1956.

2/ Ông Lưu Văn Vân, sinh năm 1960;

3/ Ông Lưu Văn Hà, sinh năm 1965

4/ Bà Dương Thị Hà, sinh năm 1969 ;

5/ Anh Lưu Xuân Phú, sinh năm 1989.

6/ Anh Lưu Văn Hiếu, sinh năm 1993.

7/ Chị Vũ Thị Thanh Loan, sinh năm 1996.

Đều trú tại: Thôn Dộc, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, Thành Phố Hà Nội.

Nội dung vụ án:

1/ Về quan hệ huyết thống và người thừa kế:

Cụ Lưu Văn Thanh, sinh năm 1930 (Mất ngày 25/6/1993) và cụ Nguyễn Thị Bông, sinh năm 1926 (Mất ngày 06/2/2008). Không để lại di chúc .

Cụ Thanh và cụ Bông có 04 người con đẻ gồm: Lưu Thị Liên, Lưu Văn Vân, Lưu Văn Kh, Lưu Văn Hà và 01 con nuôi là Ông Lưu Văn T

Ông Thành nộp đơn khởi kiện “ Yêu cầu chia di sản thừa kế” tại Tòa án ngày 27/11/2017.

2/ Về nguồn gốc tài sản thừa kế: Thừa số 48, tờ bản đồ số 2, diện tích **865 m²** tại địa chỉ: thôn Dộc, xã Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội là của cụ Thanh và cụ Bông. Trong đó có diện tích khoảng 170m² (đo đạc thực tế là 164 m²) mua lại của ông Lưu Bá Quế .

Cụ Thanh và cụ Bông đã chia phần diện tích này cho ông Thành (Các cụ cho bằng miệng nhưng , anh em trong nhà đều biết). Sau đó, ông Khoa nhờ ông Thành để làm chỗ chôn vùi, gà nhưng lại chiếm giữ luôn không trả lại nên ông Thành đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật phần diện tích khoảng 170m² đất này.

Kết quả đo đạc định giá tài sản:

- Diện tích đất ở là 164 m² x 3.000.000 đồng/1m² = **492.000.000 đồng.**
- Tài sản trên đất có tổng trị giá là: **3.740.000 đồng.**

Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định hàng thừa kế, thời hiệu khởi kiện, di sản thừa kế là có cơ sở. Đã chia tài sản

thừa kế cho 05 người, do các ông bà Liên, Hà, Vân đều tự nguyện giao kỷ phần cho ông Thành nên ông Thành được nhận bằng 04 kỷ phần.

Chia ông Thành 120 m² đất trị giá thành tiền 360.000.000 đồng và phần tài sản trên đất là 3.740.000 đồng.

Chia ông Khoa 44 m² đất trị giá thành tiền là 132.000.000 đồng (Trong đó ông Khoa còn được hưởng thanh toán tiền công đồ đất, công duy trì phần di sản của cụ Thạnh, cụ Bổng là 14m² đất)

Đề xuất sửa án sơ thẩm về cách tuyên.

